

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CLEVER GROUP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0816.2021/CV-ADG
V/v giải trình kết quả kinh doanh tại
BCTC riêng và hợp nhất bán niên đã
được soát xét

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là "Công ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Sở.

Liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 ("BC KQKD"), Công ty xin giải trình như sau:

	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch
Báo cáo tài chính riêng	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.738.351.283 VND	11.314.190.884 VND	8.424.160.399 VND	74,5%
Báo cáo tài chính hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.090.039.641 VND	9.501.203.589 VND	6.588.836.052 VND	69,3%

Có thể thấy rằng, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng khá tốt so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể: Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tăng 8,4 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng là 74,5%; lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng hơn 6,5 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng là 69,3%.

Mặc dù tình trạng chung là hầu hết các Doanh nghiệp tại Việt Nam đều bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tuy nhiên tình hình dịch bệnh 6 tháng đầu năm đã được kiểm soát khá tốt nên nhìn chung, kết quả kinh doanh của Công ty và các công ty con trong 6 tháng đầu năm đều có sự tăng trưởng, doanh thu từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận thuần tăng khá tốt so với cùng 6 tháng đầu năm 2020. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính so với năm trước cũng tốt hơn vì doanh nghiệp đã quay vòng đồng tiền hiệu quả hơn, thu lại được nhiều lợi nhuận đầu tư hơn. Việc tăng trưởng đều cả về lợi nhuận thuần của hoạt động kinh doanh và lợi nhuận đầu tư dẫn tới việc lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng hơn so với 6 tháng năm 2020.

Trên đây là toàn bộ ý kiến của Clever Group giải trình về kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên đã được soát xét. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam kết của mình.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP



HỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thành Trình

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Hà Nội – Tháng 08 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 34

0101
CÔNG
TNH
KIỂM T
A VIET
CHI NH
MIENN
CƠ HA

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 18 ngày 18/08/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 18 ngày 18/08/2020 là 180.003.330.000 đồng (*Một trăm tám mươi tỷ ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------------|--------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Khánh Trinh | Chủ tịch | |
| - Bà Lưu Hoàng Anh | Thành viên | |
| - Bà Đôn Nữ Đức Hiền | Thành viên | |
| - Ông Dư Khắc Châu | Thành viên | |
| - Ông Lee Sang Seok | Thành viên | |
| - Ông Phạm Thanh Hải | Thành viên độc lập | |
| - Ông Trần Văn Quân | Thành viên độc lập | <i>Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2021</i> |
| - Ông Trần Anh Nam | Thành viên độc lập | <i>Bỏ nhiệm từ ngày 22/05/2021</i> |

Ban Giám đốc

- | | |
|-------------------------|--|
| - Ông Bạch Dương | Giám đốc |
| - Bà Đôn Nữ Đức Hiền | Phó Giám đốc |
| - Bà Lưu Hoàng Anh | Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Bà Trần Thị Minh Tinh | Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 22/05/2021 và Quyết định số 06/2021/QĐ-HDQT.ADG ngày 25/06/2021 của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 với tổng tỷ lệ 10%, ngày đăng ký cuối cùng là 09/08/2021.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 22/05/2021 về việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt (tỷ lệ 5%) với tổng số tiền 9.000.166.500 đồng, Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 với tỷ lệ 5%, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 09/08/2021 và thanh toán vào ngày 20/08/2021.

9179
TY
H
OÁN
NAM
ANH
BẮC
HỘI-VI

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/05/2021 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số lượng 90.000 cổ phiếu (chiếm 0,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Vào ngày 27/07/2021, Công ty đã thông báo thời gian nhận tiền mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động là từ ngày 27/07/2021 đến ngày 10/08/2021.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo báo cáo tài chính riêng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Bạch Dương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021



Số: 52/2021/BCSX – CPAMB1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Clever Group**

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group được lập ngày 16/08/2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

1-016
CÔNG
TY
KIỂM
TOÁN
CPA VIỆT
NAM
CHI NHÁNH
MIỀN BẮC
PHỐ HÀ

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được công ty kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính giữa niên độ đó trên Báo cáo soát xét số 0211/VN1A-HN-BC ngày 14/8/2020. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được công ty kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về BCTC đó theo Báo cáo kiểm toán số 614/VN1A-HN-BC ngày 01/03/2021.



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		292.606.825.286	300.196.155.119
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.842.091.677	15.794.177.390
1. Tiền	111		3.842.091.677	15.794.177.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	103.908.596.811	101.113.584.713
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		103.908.596.811	101.113.584.713
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.444.829.240	182.294.660.377
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	77.125.400.968	117.795.622.245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	694.601.657	466.232.152
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	75.500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	23.734.279.054	64.642.258.419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(609.452.439)	(609.452.439)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	8.285.512.499	896.392.784
1. Hàng tồn kho	141		8.285.512.499	896.392.784
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.795.059	97.339.855
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	125.795.059	96.253.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.086.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.878.360.949	117.522.855.779
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.210.000.000	51.447.472.980
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	500.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	50.210.000.000	50.947.472.980
II. Tài sản cố định	220		4.549.945.023	4.232.636.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	4.549.945.023	4.232.636.878
- Nguyên giá	222		12.548.285.182	12.152.150.636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.998.340.159)	(7.919.513.758)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	4.917.774.635	36.579.425.535
- Nguyên giá	231		4.917.774.635	36.579.425.535
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	28.206.270.144	23.922.984.123
1. Đầu tư vào công ty con	251		35.471.572.080	28.221.572.080
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.756.000.000	4.756.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.021.301.936)	(9.054.587.957)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		994.371.147	1.340.336.263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	994.371.147	1.340.336.263
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		381.485.186.235	417.719.010.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.698.174.908	194.670.350.854
I. Nợ ngắn hạn	310		138.698.174.908	194.670.350.854
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	46.369.358.041	73.151.805.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.463.588.427	5.872.479.469
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	8.113.420.347	11.217.737.726
4. Phải trả người lao động	314		1.285.651.911	1.262.230.156
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	42.214.721	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	618.838.988	1.072.155.310
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	75.805.102.473	102.093.942.782
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		242.787.011.327	223.048.660.044
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	242.787.011.327	223.048.660.044
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.003.330.000	180.003.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.003.330.000	180.003.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.748.741.327	43.010.390.044
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.010.390.044	796.743.348
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.738.351.283	42.213.646.696
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		381.485.186.235	417.719.010.898

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021

NGUYỄN THỊ HỜI
Người lập

NGUYỄN THỊ HỜI
Kế toán trưởng



BACH DƯƠNG
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	269.090.337.255	111.212.622.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.201.476.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		267.888.860.755	111.212.622.173
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	239.324.303.074	87.158.658.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.564.557.681	24.053.963.724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	10.609.426.742	5.146.796.663
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.026.678.426	3.246.614.649
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.055.904.447	688.343.873
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	6.606.326.751	5.171.452.470
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.630.991.487	6.062.619.957
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.909.987.759	14.720.073.311
11. Thu nhập khác	31	6.7	6.302.539	230.085.528
12. Chi phí khác	32	6.7	195.133.070	600.024.415
13. Lợi nhuận khác	40		(188.830.531)	(369.938.887)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.721.157.228	14.350.134.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.982.805.945	3.035.943.540
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.738.351.283	11.314.190.884

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021



NGUYỄN THỊ HỜI
Người lập



NGUYỄN THỊ HỜI
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.721.157.228	14.350.134.424
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	571.240.543	704.227.608
- Các khoản dự phòng	03	(33.286.021)	2.627.184.204
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(826.883.583)	(136.327.394)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.457.519.474)	(5.418.869.047)
- Chi phí lãi vay	06	2.055.904.447	688.343.873
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	15.030.613.140	12.814.693.668
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	81.261.110.891	6.990.709.826
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.389.119.715)	(4.201.138.589)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27.816.970.648)	(1.643.918.223)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	316.423.912	9.519.501
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.102.894.775)	(688.343.873)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.999.028.821)	(4.198.975.072)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.300.133.984	9.082.547.238
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.007.407.273)	(18.430.512.782)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	34.048.470.146	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(295.190.526.809)	(236.091.451.315)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	220.604.056.683	169.978.196.252
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.250.000.000)	(4.098.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.808.296.067	4.235.468.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.987.111.186)	(84.406.299.071)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	69.747.960.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	197.365.697.260	73.123.378.425
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(223.654.537.569)	(70.951.904.438)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.288.840.309)	71.919.433.987
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(11.975.817.511)	(3.404.317.846)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.794.177.390	7.176.839.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	23.731.798	182.295
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.842.091.677	3.772.703.879

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021



NGUYỄN THỊ HỐI
Người lập



NGUYỄN THỊ HỐI
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông Minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 18 ngày 18/08/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 18 ngày 18/08/2020 là 180.003.330.000 đồng (*Một trăm tám mươi tỷ ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 139 người (Tại ngày 31/12/2020, tổng số cán bộ nhân viên là 139 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty liên kết</i>		(%)	(%)	
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty con</i>		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	100	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
5. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
7. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
8. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
9. Công ty cổ phần CMetric	Việt Nam	63,33	63,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
10. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	95	95	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

(i) Theo thỏa thuận ngày 30/12/2019 giữa ADOP Inc. (Chủ sở hữu 60% vốn) và Công ty, ADOP Inc. chuyển toàn bộ quyền biểu quyết tương ứng với 60% tỷ lệ sở hữu của mình chỉ cho Công ty cho mục đích quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm với thành viên Ban Giám đốc tại Công ty TNHH ADOP Vietnam. Theo đó, do Công ty TNHH ADOP Vietnam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty, khoản đầu tư và Công ty TNHH ADOP Vietnam được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 30/06/2021, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/6.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Hà Nội. Các giao dịch nội bộ giữa Văn phòng Hà Nội với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng kèm theo là Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty, do vậy không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ tương ứng với thời gian trả trước, phí cập nhật dữ liệu được phân bổ trong thời gian 10 tháng, phí sử dụng đường bộ được phân bổ trong thời gian 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ trong thời gian từ 18 đến 36 tháng, chi phí sửa chữa xe được phân bổ trong thời gian 24 tháng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021 là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

Doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo và doanh thu bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; các chi phí môi giới bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ kế toán.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	386.625.085	4.535.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.455.466.592	15.789.641.441
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	3.842.091.677	15.794.177.390

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	103.908.596.811	103.908.596.811	101.113.584.713	101.113.584.713
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.208.541.972	3.208.541.972	-	-
- Trái phiếu (i)	100.700.054.839	100.700.054.839	101.113.584.713	101.113.584.713
<i>Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2</i>	<i>49.000.000.000</i>	<i>49.000.000.000</i>	<i>1.650.000.000</i>	<i>1.650.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 1</i>	<i>35.300.000.000</i>	<i>35.300.000.000</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>97.500.000.000</i>	<i>97.500.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land</i>	<i>15.000.054.839</i>	<i>15.000.054.839</i>	-	-
<i>Công ty cổ phần Tập đoàn Đất xanh</i>	-	-	<i>1.963.584.713</i>	<i>1.963.584.713</i>
Dài hạn	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Tổng	103.908.596.811	103.908.596.811	101.113.584.713	101.113.584.713

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn dưới 12 tháng với lãi suất đầu tư từ 7,8% - 8%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được thanh toán cả gốc và lãi tại ngày tất toán khoản đầu tư.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

Công ty con/Công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
1. Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh có lỗ
2. Công ty CP Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Hoạt động kinh doanh có lãi
4. Công ty CP Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lãi
5. Công ty CP Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh có lỗ
6. Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Hoạt động kinh doanh có lãi
7. Công ty CP Trực tuyến CleverX	Hoạt động kinh doanh có lỗ
8. Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Hoạt động kinh doanh có lỗ
9. Công ty CP CMetric	Hoạt động kinh doanh có lỗ
10. Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Chưa hoạt động
11. Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Hoạt động kinh doanh có lãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/06/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			35.471.572.080		8.735.296.564	28.221.572.080		8.569.914.235
- Công ty PT CleverAds	95%	95%	3.351.315.000		237.066.299	3.351.315.000		354.549.584
- Công ty CP Review Thông minh	70%	70%	10.500.000.000		-	10.500.000.000		-
- Công ty TNHH ADOP Vietnam	40%	100%	2.463.693.080		18.532.802	2.463.693.080		163.542.914
- Công ty CP Orion Media	77%	77%	8.316.000.000		7.525.814.357	8.316.000.000		7.846.726.336
- Công ty CP Truyền thông NAH	72%	72%	740.564.000		-	740.564.000		-
- Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	60%	60%	600.000.000		113.412	600.000.000		24.425.288
- Công ty CP Trực tuyến CleverX	75%	75%	2.250.000.000		454.471.396	2.250.000.000		180.670.113
- Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới (ii)	95%	95%	2.000.000.000		3.449.869	-		-
- Công ty CP Cmetric (iii)	63,33%	63,33%	5.250.000.000		495.848.430	-		-
Đầu tư vào công ty liên kết			1.756.000.000		286.005.372	4.756.000.000		484.673.722
- Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	40%	40%	1.756.000.000		286.005.372	1.756.000.000		284.432.588
- Công ty CP CMetric			-		-	3.000.000.000		200.241.134
Tổng			37.227.572.080		9.021.301.936	32.977.572.080		9.054.587.957

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty góp vốn thành lập Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty số 0323/2021/QĐ - HĐQT.ADG ngày 23/3/2021

(iii) Công ty mua thêm cổ phần của Công ty cổ phần Cmetric để tăng tỷ lệ sở hữu thành 63,33% và chuyển từ công ty liên kết thành công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
CleverAds Philippines Corporation	5.758.974.626	5.758.974.626
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3.997.517.119	411.086.279
Công ty cổ phần Giải trí và Thể thao điện tử Việt Nam	4.519.088.121	5.971.358.122
Công ty cổ phần TIKI	40.220.895.366	71.709.359.152
Các khách hàng khác	22.628.925.736	33.944.844.066
Tổng	77.125.400.968	117.795.622.245

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	6.358.015.554	6.458.594.265
---	---------------	---------------

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty cổ phần VCCorp	500.000	92.400.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam – Chi nhánh Miền Bắc	123.750.000	-
Ông Đặng Trọng Toàn	340.000.000	360.000.000
Công ty TIKTOK	228.590.135	-
Các nhà cung cấp khác	1.761.522	13.832.152
Tổng	694.601.657	466.232.152

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	-	-
---	---	---

5.5 Phải thu về cho vay

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn (i)	75.500.000.000	-
Công ty cổ phần Dịch vụ và Đầu tư TrustLink (1)	58.000.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình (2)	15.000.000.000	-
Các đối tượng cho vay khác	2.500.000.000	-
Dài hạn	-	500.000.000
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	-	500.000.000
Tổng	75.500.000.000	500.000.000

Trong đó:

Số dư các khoản cho vay với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	15.000.000.000	-
--	----------------	---

191780
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
TRÊN
LÃNH
BẮC
NỘI - VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)**

(1): Khoản cho vay được đảm bảo bằng số dư trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Trustlink tại VN Direct với cam kết số dư không thấp hơn số dư vay, khoản cho vay có thời hạn trong 12 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay khoảng 10,5%/năm.

(2): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn trong 12 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay khoảng 8,5%/năm.

5.6 Các khoản phải thu khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	23.734.279.054	64.642.258.419
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	17.907.597.076	61.198.230.142
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	614.115.057	2.028.649.409
- Lãi dự thu trái phiếu	3.950.785.036	1.414.722.867
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	1.259.734.930	-
- Phải thu khác	2.046.956	656.001
Dài hạn	50.210.000.000	50.947.472.980
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	50.210.000.000	50.947.472.980
Tổng	73.944.279.054	115.589.731.399

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/06/2021 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; Chi tiết như sau:

- Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.220.203.751 VND, lãi suất từ 4,85-5,15%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 8.091.328.183 VND, lãi suất 4,6 - 5,3%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 VND, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thịnh Vượng với tổng giá trị cầm cố là 3.339.592.162 VND, lãi suất 4,6 - 4,8%/năm cho hợp đồng cấp bảo lãnh tại các Ngân hàng thương mại.

- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 756.472.980 VND.

(ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại 30 tháng 06 năm 2021 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 8,1%/năm.

- Trái phiếu mã số CTG208T2/02_119 với giá trị ghi sổ tại 30 tháng 06 năm 2021 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,9%/năm.

- Trái phiếu mã số CTG1727T2/02_2634 với giá trị ghi sổ tại 30 tháng 06 năm 2021 là 10.200.000.000 VND, lãi suất 6,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.7 Nợ xấu**

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	89.444.768	-	89.444.768	-
Chi nhánh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trường Sa	23.760.000	-	23.760.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công trình Nghi đường S.P.A	31.350.000	-	31.350.000	-
Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường	45.100.000	-	45.100.000	-
Công ty TNHH Giáo dục WISDOMLAND	11.000.000	-	11.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	50.913.079	-	50.913.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	195.949.280	-	195.949.280	-
Tổng	609.452.439	-	609.452.439	-

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	8.285.512.499	-	896.392.784	-
Tổng	8.285.512.499	-	896.392.784	-

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ngắn hạn	125.795.059	96.253.855
- Chi phí thuê văn phòng	49.897.559	89.865.188
- Chi phí bảo hiểm thân vỏ	-	6.388.667
- Phí sử dụng đường bộ	897.500	-
- Chi phí trả trước khác	75.000.000	-
Dài hạn	994.371.147	1.340.336.263
- Công cụ dụng cụ phân bổ	984.572.399	1.325.031.265
- Chi phí trả trước dài hạn khác	9.798.748	15.304.999
Tổng	1.120.166.206	1.436.590.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2021	11.815.557.181	336.593.455	-	12.152.150.636
Mua trong kỳ	1.007.407.273	-	-	1.007.407.273
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(611.272.727)	-	-	(611.272.727)
Tại ngày 30/06/2021	12.211.691.727	336.593.455	-	12.548.285.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	7.586.933.654	332.580.104	-	7.919.513.758
Khấu hao trong kỳ	561.354.178	9.886.365	-	571.240.543
Tăng khác	5.873.014	-	-	5.873.014
Thanh lý, nhượng bán	(492.414.142)	-	-	(492.414.142)
Giảm khác	-	(5.873.014)	-	(5.873.014)
Tại ngày 30/06/2021	7.661.746.704	336.593.455	-	7.998.340.159
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	4.228.623.527	4.013.351	-	4.232.636.878
Tại ngày 30/06/2021	4.549.945.023	-	-	4.549.945.023

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2021 là 4.354.845.181 VND (ngày 31/12/2020: 3.693.908.818 VND).

5.11 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ				
Nhà và quyền sử dụng đất	36.579.425.535	-	(31.661.650.900)	4.917.774.635
TÔN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	36.579.425.535	-	(31.661.650.900)	4.917.774.635
Nhà và quyền sử dụng đất	36.579.425.535	-	(31.661.650.900)	4.917.774.635

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Châu Á Tiêu Điểm	-	-	110.000.000	110.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI	712.768.427	712.768.427	-	-
Face Book Ireland Limited	18.377.734.287	18.377.734.287	21.788.812.002	21.788.812.002
Google Ireland Ltd	27.165.985.203	27.165.985.203	51.054.060.715	51.054.060.715
Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	112.870.124	112.870.124	198.932.694	198.932.694
Tổng	46.369.358.041	46.369.358.041	73.151.805.411	73.151.805.411

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	350.000.000	350.000.000	-	-
Công ty TNHH MERAP TRADING PT CleverAds	599.079.463	599.079.463	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	1.442.399.232	1.442.399.232
Các khách hàng khác	396.365.227	396.365.227	340.437.928	340.437.928
Tổng	6.463.588.427	6.463.588.427	5.872.479.469	5.872.479.469

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2021
	Thuế giá trị gia tăng	6.473.396.064	13.003.452.449	(15.976.663.488)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.645.604.186	4.982.805.945	(5.999.028.821)	3.629.381.310
Thuế thu nhập cá nhân	98.737.476	92.863.179	(131.920.473)	59.680.182
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	924.173.830	-	924.173.830
Tổng	11.217.737.726	19.003.295.403	(22.107.612.782)	8.113.420.347

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay phải trả	42.214.721	-
Tổng	42.214.721	-

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	318.838.988	318.838.988	279.386.988	279.386.988
Các khoản phải trả khác	300.000.000	300.000.000	792.768.322	792.768.322
Tổng	618.838.988	618.838.988	1.072.155.310	1.072.155.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2021 (VND)		Trong kỳ		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	71.897.190.849	71.897.190.849	157.704.982.333	(182.834.047.303)	97.026.255.819	97.026.255.819
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	71.897.190.849	71.897.190.849	157.704.982.333	(182.834.047.303)	97.026.255.819	97.026.255.819
Dư nợ tín dụng	3.907.911.624	3.907.911.624	39.660.714.927	(40.820.490.266)	5.067.686.963	5.067.686.963
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	3.739.611.728	3.739.611.728	38.098.638.992	(39.221.022.763)	4.861.995.499	4.861.995.499
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	168.299.896	168.299.896	1.562.075.935	(1.599.467.503)	205.691.464	205.691.464
Tổng	75.805.102.473	75.805.102.473	197.365.697.260	(223.654.537.569)	102.093.942.782	102.093.942.782

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long bao gồm 2 hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 004/2020 - HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 02/11/2020 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 02/11/2020. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 3,8 % / năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:
 - + Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 và CTG1727T2/02-2634 có giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2021 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 10.200.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 và số 010/2020/HĐBĐVNHT140 - CLEVERGROUP ngày 17/11/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).
 - + Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.220.203.751 VND (Thuyết minh số 5.6)
 - + Tài sản đảm bảo là bất động sản của bên thứ ba do ông Nguyễn Khánh Trình là chủ sở hữu.
 - Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2021-HĐCVTL/NHCT140-CLEVER ký ngày 25/06/2021 với số tiền là 35.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 5,6%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam mã số CTG2028T2 /02-119 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị ghi sổ của khoản trái phiếu này tại ngày 30/06/2021 là 35.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

- (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 5.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15 %/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 30/06/2021 là 8.091.328.183 VND (Thuyết minh số 5.6).
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3 % /tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/06/2021 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	74.000.000.000	-		35.240.783.348	109.240.783.348
Tăng vốn điều lệ	8.880.000.000	60.867.960.000	-	-	69.747.960.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	1.846.270.000	-	-	-	1.846.270.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	34.444.040.000	-	-	(34.444.040.000)	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	60.833.020.000	(60.833.020.000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	42.213.646.696	42.213.646.696
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	180.003.330.000	34.940.000	-	43.010.390.044	223.048.660.044
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	19.738.351.283	19.738.351.283
Tăng khác	-	-	826.883.583	-	826.883.583
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(826.883.583)	-	(826.883.583)
Số dư cuối kỳ này	180.003.330.000	34.940.000	-	62.748.741.327	242.787.011.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	47.885.710.000	47.885.710.000
Ông Dư Khắc Châu	1.603.960.000	1.603.960.000
YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	72.399.520.000	72.399.520.000
Cyber Agent Capital, Inc	210.760.000	1.206.760.000
Các cổ đông khác	57.903.380.000	56.907.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.940.000	34.940.000
Tổng	180.038.270.000	180.038.270.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 (VND)	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	180.003.330.000	74.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	8.880.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	180.003.330.000	82.880.000.000

Cổ tức:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐH ngày 22/05/2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

- + Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương đương với giá trị 9.000.166.500 VND
- + Chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% tương đương với giá trị 18.000.333.000 VND

d. Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.333	18.000.333
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.333	18.000.333
Cổ phiếu phổ thông	18.000.333	18.000.333
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.333	18.000.333
Cổ phiếu phổ thông	18.000.333	18.000.333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

	30/06/2021	01/01/2021
Tổng số tiền thuê tối thiểu (VND) trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2.759.875.020	2.995.081.200
Trên 01 năm đến 05 năm	5.865.518.857	12.981.782.400
Tổng	8.625.393.877	15.976.863.600
Ngoại tệ các loại	30/06/2021	01/01/2021
Đô la Mỹ (USD)	1.663,65	34.675,00

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	234.665.962.662	111.212.622.173
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	34.424.374.593	-
Tổng	269.090.337.255	111.212.622.173
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	7.174.665.309	1.926.188.269

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Chiết khấu thương mại	1.201.476.500	-
Tổng	1.201.476.500	-

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	207.662.652.174	87.158.658.449
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	31.661.650.900	-
Tổng	239.324.303.074	87.158.658.449

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	9.189.558.813	4.950.223.809
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	826.883.583	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	592.984.346	196.572.854
Tổng	10.609.426.742	5.146.796.663

6.5 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	2.055.904.447	688.343.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	27.082.049
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(33.286.021)	2.531.188.727
Chi phí tài chính khác	4.060.000	-
Tổng	2.026.678.426	3.246.614.649

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.546.603.091	1.429.115.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	574.016.841	535.236.026
Chi phí khấu hao TSCĐ	378.368.047	704.227.608
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	95.995.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.486.884.403	3.253.748.815
Chi phí khác bằng tiền	1.645.119.105	44.296.365
Tổng	5.630.991.487	6.062.619.957
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	6.387.595.222	5.009.627.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.514.565	106.686.753
Chi phí khác bằng tiền	7.216.964	55.138.567
Tổng	6.606.326.751	5.171.452.470

6.7 Thu nhập khác và chi phí khác

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Thu nhập khác	6.302.539	230.085.528
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	1.141.415	-
- Xử lý số dư công nợ	185.438	104.737.500
- Các khoản khác	4.975.686	125.348.028
Chi phí khác	195.133.070	600.024.415
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	192.872.496	-
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	600.000.000
- Các khoản khác	2.260.574	24.415
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	(188.830.531)	(369.938.887)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	574.016.841	535.236.026
Chi phí nhân công	11.652.412.610	9.582.765.771
Chi phí khấu hao TSCĐ	571.240.543	704.227.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.015.284.899	87.517.384.416
Chi phí khác bằng tiền	1.669.007.730	53.117.055
Tổng	227.481.962.623	98.392.730.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.982.805.945	3.035.943.540
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	-	-
Tổng	4.982.805.945	3.035.943.540

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	24.721.157.228	14.350.134.424
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	192.872.496	829.583.275
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	192.872.496	829.583.275
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	24.914.029.724	15.179.717.699
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	24.914.029.724	15.179.717.699
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành (20%)	4.982.805.945	3.035.943.540
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	4.645.604.186	4.211.565.762
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) kỳ trước	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(5.999.028.821)	(4.198.975.072)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	3.629.381.310	3.048.534.230

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các khoản cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018.
- Tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2020.
- Tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018.

Cam kết vốn

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2021, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty PT CleverAds	Công ty con
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty con
Công ty CP Orion Media	Công ty con
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Công ty con
Công ty CP CMetric	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Công ty con
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Tiền lương và phụ cấp	1.455.295.335	933.750.000
Tổng	1.455.295.335	933.750.000

b. Giao dịch với bên liên quan

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Bán hàng				
Công ty PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	950.940.004	422.909.091
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.728.756.946	415.978.356
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	44.578.182	-
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	33.697.100	57.301.127
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.905.826	-
Công ty CP CMetric	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	29.054.897	-
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	2.271.286.955	420.550.045
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1.113.445.399	609.449.650
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	234.123.800	-
Tổng			7.174.665.309	1.926.188.269

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Mua hàng				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Mua dịch vụ	816.687.000	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty con	Mua dịch vụ	4.724.592	-
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Mua dịch vụ	485.000.000	-
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Mua dịch vụ	347.707.725	-
Tổng			1.306.411.592	-
Cho vay				
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	16.000.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền cho vay	1.000.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	236.328.767	-

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty con	6.358.015.554	6.458.594.265
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	-	14.850.000
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con	5.758.974.626	5.758.974.626
Công ty CP CMetric	Công ty con	256.355	-
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	3.173.914	-
Công ty CP Orion Media	Công ty con	4.150.502	-
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	21.414.131	18.478.772
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	153.097.105	319.559.221
		416.948.921	346.731.646
Khách hàng trả tiền trước			
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	396.365.227	1.442.399.232
		396.365.227	1.442.399.232
Phải thu về cho vay			
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000.000	-
		15.000.000.000	-
Phải thu khác			
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch Hội đồng quản trị	193.828.767	-
		193.828.767	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/05/2021 và Quyết định số 06/2021/QĐ-HĐQT.ADG ngày 25/06/2021 của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 với tổng tỷ lệ 10%, ngày đăng ký cuối cùng là 09/08/2021.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/05/2021 về việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt (tỷ lệ 5%) với tổng số tiền 9.000.166.500 đồng, Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 với tỷ lệ 5%, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 09/08/2021 và thanh toán vào ngày 20/08/2021.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 /05/2021 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số lượng 90.000 cổ phiếu (chiếm 0,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Vào ngày 27/07/2021, Công ty đã thông báo thời gian nhận tiền mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động là từ ngày 27/07/2021 đến ngày 10/08/2021.

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021



NGUYỄN THỊ HÔI

Người lập



NGUYỄN THỊ HÔI

Kế toán trưởng

